

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 6 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOÌ, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn B, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Hồ Văn B thể hiện:*

Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống cách nay 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn được gia đình nhiều lần hàn gắn nhưng không khắc phục được và chị Nga đã ra sống riêng khoảng hơn 01 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, ông xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với bà N.

Quá trình chung sống có 03 con chung, gồm: Hồ Ngọc Nh, sinh năm 2002, Hồ Tuyết Ng, sinh năm 2003 và Hồ Khắc H, sinh ngày 03/4/2012. Khi ly hôn, đối

với Ngọc Nh và Tuyết Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Khắc H ông đồng ý giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/6/2022.

Về tài sản chung: Do là con trai út, sống cùng với cha, mẹ mua được 52 chỉ vàng 24k và 24 chỉ vàng 18k. Hiện 52 chỉ vàng 24k đã bán để làm ăn nên không còn, 24 chỉ vàng 18k đã giao cho bà N quản lý. Khi ly hôn, ông xác định sẽ thỏa thuận với bà N về số tài sản này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về người khác nợ lại: Cách nay khoảng 07 năm cho cha, mẹ vợ vay 416.000.000 đồng với mức lãi suất của ngân hàng, sau đó, đã thỏa thuận giao cho bà N hưởng nên ông không có ý kiến gì về nội dung này.

Về nợ người khác: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Nguyễn Thị N thể hiện:*

Về hôn nhân như ông B trình bày, khi chung sống không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn xảy ra đã 06 năm nay nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

Về con chung: Có 03 con chung như ông B trình bày. Khi ly hôn, bà đồng ý nuôi Khắc H và yêu cầu ông B cấp dưỡng mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/6/2022.

Về tài sản chung: Có 52 chỉ vàng 24k và 23 chỉ vàng 18k (không phải là 24 chỉ vàng 18k như ông B trình bày), sau đó bà có quản lý 23 chỉ vàng 18k và đã cho Hồ Tuyết Nghi (con gái) số vàng này. Khi ly hôn, bà sẽ thỏa thuận với ông B về nội dung này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về người khác nợ lại: Bà thừa nhận cha, mẹ của bà có quản lý số tiền như ông B trình bày nhưng đây là số tiền ông B có hùn hạp làm ăn và ông B đã thỏa thuận giao khoản tiền này cho bà hưởng (không phải là tiền vay như ông B xác định); khi ly hôn bà sẽ thỏa thuận với cha, mẹ của bà và không yêu cầu giải quyết về nội dung này.

Về nợ người khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, được hòa giải, hàn gắn nhưng các đương sự không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn mới nhau mà căn cứ

khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình chung sống có 03 con chung, gồm: Hồ Ngọc Nh, sinh năm 2002, Hồ Tuyết Ng, sinh năm 2003 và Hồ Khắc H, sinh ngày 03/4/2012.

Đối với Ngọc Nh và Tuyết Ng đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Xét việc thỏa thuận nuôi Khắc H sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của Khắc H nên giữ nguyên cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi Khắc Duy tròn 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và người khác nợ lại: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ người khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông B phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (do đã thỏa thuận được mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hồ Văn B và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao Hồ Khắc H, sinh ngày 03/4/2012 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng; ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi Khắc H tròn

18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012467 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (ông B đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng: Ông B phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn